

TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY THỦY ĐIỆN
TUYÊN QUANG

Số: 604/QĐ-TĐTQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định về công tác kế hoạch
trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-EVN ngày 17/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Thủy điện Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-EVN ngày 22/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế về công tác kế hoạch trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ thông báo số 544/TB-TĐTQ ngày 15/5/2015 của Giám đốc Công ty Thủy điện Tuyên Quang về việc kế hoạch thực hiện sửa đổi quy chế quản lý nội bộ;

Căn cứ quy định quản lý tài liệu hồ sơ ban hành kèm theo quyết định số 345/QĐ-TĐTQ ngày 17/4/2012 của Giám đốc Công ty Thủy điện Tuyên Quang;


Căn cứ báo cáo số 70/BC-TC&NS ngày 29/5/2015 của phòng TC&NS về việc thẩm định tính pháp lý quy định về công tác kế hoạch trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng KHVT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định về công tác kế hoạch trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang”, mã số tài liệu: QyĐ-02-03.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho quy trình lập kế hoạch sản xuất ban hành kèm theo quyết định số 517/QĐ-TĐTQ ngày 21/5/2012.


Điều 3. Các ông Trưởng phòng TC&NS, KHVT, KT, TCKT, Chánh Văn phòng Công ty; Quản đốc các phân xưởng: Vận hành, Sửa chữa Điện tự động, Sửa chữa Cơ khí thủy lực và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHVT.

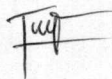
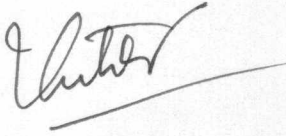


Dương Thanh Tuyên


	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Trang: 1/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN PHỐI:	
1. Giám đốc	01
2. Phó Giám đốc	01
3. Đại diện lãnh đạo về chất lượng	01
4. Các đơn vị trong Công ty	08
5. Các đoàn thể: Công đoàn, Đảng bộ, Đoàn thanh niên	03
6. Lưu: VT, KHVT	02


CHỦ TRÌ SOẠN THẢO: PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA
Chữ ký: 	Chữ ký: 
Họ và tên: Vũ Minh Tuyên Chức vụ: Chuyên viên	Họ và tên: Vũ Văn Tinh Chức vụ: Trưởng phòng

THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT:
- Các đơn vị trong Công ty.


NGƯỜI DUYỆT: Chữ ký:  Họ và tên: Dương Thanh Tuyên Chức vụ: Giám đốc

TÓM TẮT SỬA ĐỔI:			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI	
Ban hành mới			


	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 2/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

MỤC LỤC:

I. Mục đích	5
II. Tài liệu có liên quan	5
Chương I. Những quy định chung	6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	6
Điều 2. Định nghĩa và từ viết tắt	6
Điều 3: Trách nhiệm trong công tác kế hoạch	6
PHẦN I. KẾ HOẠCH TRÌNH EVN.....	8
Chương II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh	8
Điều 4. Căn cứ lập kế hoạch SXKD	8
Điều 5. Nội dung kế hoạch SXKD	9
Điều 6. Trình tự, thời gian lập kế hoạch SXKD	10
Điều 7. Trình duyệt kế hoạch SXKD	10
Điều 8. Phân bổ chi phí.....	11
Điều 9. Điều chỉnh kế hoạch SXKD.....	11
Chương III. Kế hoạch đầu tư xây dựng	11
Điều 10. Căn cứ lập kế hoạch ĐTXD.....	11
Điều 11. Nội dung báo cáo kế hoạch ĐTXD.....	11
Điều 12. Trình tự, thời gian trình duyệt kế hoạch ĐTXD	12
Điều 13. Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTXD	13
PHẦN I. KẾ HOẠCH NỘI BỘ CỦA CÔNG TY.....	13
Chương IV. Kế hoạch công tác năm	13
Điều 14. Căn cứ lập kế hoạch năm	13
Điều 15. Nội dung kế hoạch năm	13
Điều 16. Trình tự, thời gian trình duyệt kế hoạch năm	14
Điều 17. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm.....	14

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 3/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015


Chương V. Kế hoạch công tác tuần, tháng	14
Điều 18. Nội dung kế hoạch công tác tuần, tháng	14
Điều 19. Thời gian lập, ban hành kế hoạch tuần, tháng	14
Chương VI. Chế độ báo cáo	15
Điều 20. Thời hạn, nội dung báo cáo.....	15
Điều 21. Trách nhiệm báo cáo của các đơn vị.....	15
Chương VII. Tổ chức thực hiện	17
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	17
Lưu đồ 1: Lập, thực hiện kế hoạch SXKD	
Lưu đồ 2: Lập, thực hiện kế hoạch năm	
PHỤ LỤC 1: HỆ THỐNG BIỂU MẪU	
A. HỆ THỐNG BIỂU MẪU KẾ HOẠCH SXKD	
Biểu số 1-a. Tổng hợp kế hoạch sản xuất.....	
Biểu số 1-a-1. Kế hoạch sản lượng điện năm (Tính theo tần suất 50%).....	
Biểu số 1-a-2. Kế hoạch sản lượng điện năm (Tính theo tần suất 65%).....	
Biểu số 1-a-3. Kế hoạch sản lượng điện năm (Tính theo tần suất 90%).....	
Biểu số 2. Tình hình thủy văn năm hiện tại và dự báo năm tiếp theo	
Biểu số 3. Kế hoạch sửa chữa lớn	
Biểu số 4. Kế hoạch chi phí SXKD điện.....	
Biểu số 12. Kế hoạch mua sắm.....	
Biểu số 14. Tổng hợp chi phí giá thành điện theo yếu tố.....	
Biểu số 15. Kế hoạch khấu hao	
Biểu số 20. Kế hoạch trích khấu hao	
Biểu số 33-a. Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo năm hiện tại và đăng ký kế hoạch năm tiếp theo	

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG	Mã số: QyD-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG	Trang: 4/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

- Biểu số 33-a-1. Báo cáo kết quả đào tạo dài hạn năm hiện tại.....
- Biểu số 33-a-2. Báo cáo kết quả đào tạo ngắn hạn năm hiện tại.....
- Biểu số 33-b. Kế hoạch đào tạo.....
- Biểu số 34-a. Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm hiện tại và kế hoạch sử dụng lao động năm tiếp theo (Theo loại và trình độ lao động).....
- Biểu số 34-b. Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm hiện tại và kế hoạch sử dụng lao động năm tiếp theo (Theo đơn vị quản lý).....
- Biểu số 35-a. Tổng hợp kế hoạch tuyển dụng mới lao động (Đại học, cao đẳng, trung cấp).....
- Biểu số 35-b. Tổng hợp kế hoạch tuyển dụng mới lao động (công nhân kỹ thuật).....
- Biểu số 36-a. Tổng hợp kế hoạch tuyển dụng thay thế lao động (Đại học, cao đẳng, trung cấp).....
- Biểu số 36-b. Tổng hợp kế hoạch tuyển dụng thay thế lao động (công nhân kỹ thuật).....
- Biểu số 38. Báo cáo xác định quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động

B. HỆ THỐNG BIỂU MẪU KẾ HOẠCH ĐTXD

- Biểu số 16. Tổng hợp các nguồn vốn huy động đã giải ngân năm hiện tại
- Biểu số 17. Tổng hợp kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay
- Biểu số 19. Tổng hợp các nguồn vốn huy động cho năm tiếp theo
- Biểu số 21. Nhu cầu vốn đầu tư phân bổ các năm còn lại
- Biểu số 22. Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm hiện tại.....
- Biểu số 23. Kế hoạch đầu tư xây dựng chi tiết năm tiếp theo.....
- Biểu số 24. Tổng hợp cân đối các nguồn vốn kế hoạch đầu tư xây dựng
- Biểu số 30. Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hoàn thành năm tiếp theo
- Biểu số 31. Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B chuyển tiếp từ năm hiện tại sang năm tiếp theo
- Biểu số 32. Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư nhóm A, B năm tiếp theo


	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Trang: 5/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

I. Mục đích:

- Thống nhất về nội dung, trình tự, trách nhiệm, biểu mẫu trong công tác lập, thực hiện, điều chỉnh kế hoạch của Công ty để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ, kế hoạch năm được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao;
- Đảm bảo tuân thủ với quy định trong quy chế về công tác kế hoạch của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Thuận tiện cho công tác triển khai các công tác của Công ty;
- Là căn cứ giúp cho Ban Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác sản xuất của Công ty và đề các đơn vị thực hiện.

II. Tài liệu có liên quan:

- Quyết định số 436/QĐ-EVN-HĐQT ngày 01/6/2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thành lập Công ty Thủy điện Tuyên Quang;
- Quyết định số 850/QĐ-EVN ngày 17/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Thủy điện Tuyên Quang;
- Quyết định số 711/QĐ-EVN ngày 22/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy chế về công tác kế hoạch trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 333/QĐ-EVN ngày 22/5/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Quyết định số 1186/QĐ-TĐTQ ngày 16/10/2012 của Giám đốc Công ty Thủy điện Tuyên Quang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang; Quyết định số 83/QĐ-TĐTQ ngày 20/01/2015 của Giám đốc Công ty Thủy điện Tuyên Quang về việc thành lập Văn phòng.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Trang: 6/17	Ngày sửa đổi:
			Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về nội dung, trình tự, trách nhiệm trong công tác lập, thực hiện kế hoạch của Công ty và được áp dụng thống nhất trong toàn Công ty Thủy điện Tuyên Quang. Quy định cụ thể gồm hai phần:

- Kế hoạch trình EVN: Kế hoạch SXKD, kế hoạch ĐTXD.
- Kế hoạch nội bộ của Công ty: Kế hoạch công tác tuần, tháng, năm.

(Kế hoạch vật tư hàng năm và kế hoạch sửa chữa lớn thực hiện theo quy định quản lý vật tư, quy chế sửa chữa lớn và các quy định có liên quan khác của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Thủy điện Tuyên Quang).

2. Đối tượng áp dụng: Các đơn vị và cá nhân có liên quan đến công tác kế hoạch trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang.

Điều 2. Định nghĩa và từ viết tắt:


- Kế hoạch SXKD: Kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Kế hoạch ĐTXD: Kế hoạch đầu tư xây dựng
- Kế hoạch năm: Kế hoạch công tác năm của Công ty được Giám đốc phê duyệt theo từng năm
- Công ty: Công ty Thủy điện Tuyên Quang
- Đơn vị: Là các đơn vị, đoàn thể trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang
- EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Điều 3. Trách nhiệm trong công tác kế hoạch:

1. Đối với kế hoạch SXKD:

1.1. Phòng Kế hoạch - Vật tư:

- a. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị lập kế hoạch theo thời gian quy định.
- b. Tổng hợp toàn bộ số liệu kế hoạch năm của Công ty từ số liệu các đơn vị gửi. Kiến nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.
- c. Lập biểu kế hoạch vốn SCL.
- d. Là đầu mối trình duyệt và bảo vệ kế hoạch năm của Công ty với EVN.
- e. Tổ chức triển khai, đánh giá thực hiện kế hoạch.
- f. Thực hiện các báo cáo của Công ty về công tác kế hoạch.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 7/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

1.2. Phòng Tổ chức và Nhân sự:

- a. Lập kế hoạch đào tạo (Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo năm hiện tại và đăng ký kế hoạch năm tiếp theo);
- b. Lập kế hoạch sử dụng lao động (Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm hiện tại và kế hoạch sử dụng lao động năm tiếp theo);
- c. Lập kế hoạch tuyển dụng lao động;
- d. Lập kế hoạch lao động tiền lương.

1.3. Phòng Kỹ thuật – An toàn:

- a. Đánh giá phân tích các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được trong 9 tháng đầu năm và ước thực hiện của năm hiện tại; báo cáo và đánh giá tình hình, tiến độ thực hiện công tác sửa chữa.
- b. Lập kế hoạch sản lượng điện và điện tự dùng;
- c. Lập biểu tình hình thủy văn năm hiện tại, dự báo năm sau;
- d. Tổng hợp danh mục, dự kiến chi phí, giải trình nhu cầu các hạng mục thuộc kế hoạch mua sắm;
- e. Tổng hợp, rà soát kế hoạch đào tạo phân chuyên môn kỹ thuật gửi phòng TC&NS tổng hợp;
- f. Lập kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin (Thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của EVN).

1.4. Phòng Tài chính Kế toán:


- a. Cung cấp số liệu, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về tài chính 9 tháng đầu năm gửi cho phòng KHVT;
- b. Lập kế hoạch tài chính giá thành, kế hoạch nộp ngân sách Nhà nước, kế hoạch giá hạch toán nội bộ theo hướng dẫn của EVN, tính toán giải trình các khoản mục chi phí liên quan đến giá thành.

1.5. Văn phòng:

Lập kế hoạch chi phí thường xuyên liên quan đến công tác quản lý hành chính, gửi phòng TCKT tổng hợp.

1.6. Các phân xưởng:

- a. Lập nhu cầu đào tạo gửi phòng TC&NS, KTAT tổng hợp;
- b. Lập, giải trình nhu cầu, danh mục thiết bị cần mua sắm gửi phòng KTAT tổng hợp;

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG	Trang: 8/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

c. Lập, đăng ký các phương án cải tạo, sửa chữa thường xuyên dự kiến thực hiện trong năm tiếp theo gửi phòng KTAT tổng hợp.

1.7. Các đoàn thể (Đảng bộ, Đoàn thanh niên cơ sở, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ):

Lập kế hoạch chi phí của tổ chức đoàn thể trong năm gửi phòng TCKT tổng hợp.

2. Đối với kế hoạch ĐTXD:

2.1. Phòng KHVT chủ trì lập báo cáo ĐTXD năm và là đầu mối trình duyệt, bảo vệ kế hoạch của Công ty với EVN.

2.2. Phòng TCKT phối hợp, cung cấp các số liệu có liên quan.

2.3. Phòng KTAT rà soát nhu cầu, đăng ký các dự án/công trình trong kế hoạch ĐTXD năm sau (nếu có) gửi phòng KHVT tổng hợp.

3. Đối với kế hoạch năm:

3.1. Các đơn vị lập kế hoạch năm những công việc do đơn vị mình chủ trì theo chức năng nhiệm vụ, tình hình thực hiện các công việc trong kế hoạch năm hiện tại và dự kiến năm sau.

3.2. Phòng KHVT tổng hợp, trình Giám đốc phê duyệt; theo dõi, đánh giá thực hiện hàng quý và đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu cần thiết).

4. Đối với kế hoạch tuần, tháng:

4.1. Các đơn vị lập kế hoạch, báo cáo những công việc do đơn vị mình thực hiện trong tuần, tháng gửi phòng KHVT để tổng hợp;


4.2. Phòng KHVT tổng hợp, gửi ban hành.

PHẦN I. KẾ HOẠCH TRÌNH EVN

CHƯƠNG II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 4. Căn cứ lập kế hoạch SXKD:

- Nhiệm vụ của Công ty được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động do EVN phê duyệt;
- Định hướng, mục tiêu nhiệm vụ của EVN về xây dựng kế hoạch hàng năm;
- Kế hoạch phát triển 5 năm của EVN;
- Chủ trương, chỉ đạo cụ thể của Chính phủ, của UBND tỉnh/thành phố liên quan tới nhiệm vụ kế hoạch năm của đơn vị.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 9/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

Điều 5. Nội dung kế hoạch SXKD:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm:

Nhận xét tình hình đặc điểm của đơn vị trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện kế hoạch; những điểm đặc biệt so với dự kiến đầu năm; tổng hợp phân tích kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm tới hết quý III, ước thực hiện cả năm đối với các chỉ tiêu kế hoạch chính, gồm:

a. Điện sản xuất: Ước thực hiện cả năm. Phân tích những yếu tố làm tăng/giảm sản lượng điện sản xuất.

b. Thực hiện chỉ tiêu điện tự dùng, suất tiêu hao nước. Phân tích, đánh giá so với định mức quy định.

c. Đánh giá nhận xét chung về tình hình nước về từ đầu năm, dự báo đến cuối năm, kế hoạch bảo đảm tích nước đến 31/12.

d. Sửa chữa lớn: Số liệu ước thực hiện cả năm so với kế hoạch được duyệt (tổng số danh mục và tổng giá trị chi phí sửa chữa lớn). Nêu rõ và phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng tới thực hiện công tác sửa chữa lớn;

e. Lao động tiền lương: Lao động bình quân; tổng quỹ tiền lương (bao gồm quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn điện); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; tiền ăn ca;

f. Tài chính, chi phí giá thành: Chi phí, khấu hao, tình hình thu nộp ngân sách. Đánh giá những mặt làm được, những tồn tại và khó khăn thực tế;

g. Các nội dung khác;

h. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và hiệu quả sản xuất kinh doanh cả năm.

2. Xây dựng kế hoạch năm tiếp theo:


2.1. Nhận định và đánh giá khái quát tình hình chung liên quan tới mục tiêu nhiệm vụ của năm tiếp theo. Xác định mục tiêu chung của đơn vị phù hợp với định hướng chỉ đạo và hướng dẫn của EVN về chuẩn bị kế hoạch năm tiếp theo.

2.2. Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch:

a. Kế hoạch sản xuất điện:

Dự kiến sản lượng điện theo từng tháng, tính toán sản lượng theo các tần suất nước về 50%, 65%, 90% trên cơ sở đánh giá các yếu tố: Năng lực thiết bị, dự báo lưu lượng nước về năm tiếp theo, khả năng đạt mức nước dâng bình thường vào cuối năm, lịch sửa chữa các thiết bị chính của nhà máy.

b. Điện tự dùng: Xác định chỉ tiêu điện tự dùng.

 EVNHPC TUYEN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG	Trang: 10/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

c. Suất tiêu hao nước: Các biện pháp đảm bảo chỉ tiêu.

d. Sửa chữa lớn: Danh mục SCL, kế hoạch chi phí SCL.

e. Lao động tiền lương: Lao động bình quân, tổng quỹ tiền lương (Bao gồm quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn điện); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; tiền ăn ca;

f. Tài chính, chi phí giá thành: Dự kiến kế hoạch tài chính, chi phí giá thành, kế hoạch thu nộp ngân sách. Giải trình chi tiết về chỉ tiêu, số liệu đề cập;

g. Kế hoạch mua sắm: Danh mục mua sắm, dự toán chi phí và giải trình nhu cầu cần trang bị;

h. Kế hoạch đào tạo: Chương trình, nội dung đào tạo; số lượng người đào tạo, dự kiến kinh phí đào tạo trên tổng quỹ lương, nguồn kinh phí;

i. Kế hoạch sử dụng, tuyển dụng lao động: Lập biểu báo cáo tình hình sử dụng lao động năm hiện tại và kế hoạch sử dụng lao động năm tiếp theo; lập biểu tuyển dụng mới, tuyển dụng thay thế lao động;

j. Kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin: Chương trình, nội dung nghiên cứu, dự kiến kinh phí, nguồn kinh phí;

k. Các nội dung khác.

3. Các biện pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch của năm.

4. Các đề xuất, kiến nghị với EVN.

5. Các biểu mẫu phụ lục.

Điều 6. Trình tự, thời gian lập kế hoạch SXKD

1. Phần kế hoạch chi phí các đơn vị gửi về phòng TCKT; kế hoạch đào tạo công nhân kỹ thuật, mua sắm gửi về phòng KTAT, kế hoạch đào tạo chuyên môn nghiệp vụ gửi về phòng TC&NS. Thời gian: Trước ngày **20/9**.


2. Các đơn vị lập kế hoạch theo phân giao, gửi về phòng KHVT trước ngày **05/10**.

3. Phòng KHVT tổng hợp, trình thông qua trước ngày **15/10**.

4. Hoàn thiện, trình EVN trước ngày **31/10**.

5. Trong tháng 11 hàng năm, các đơn vị hoàn thiện các công việc làm căn cứ bảo vệ kế hoạch với EVN và chuẩn bị triển khai thực hiện kế hoạch như: Lập, trình duyệt phương án kỹ thuật - thiết kế, khối lượng - dự toán, kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị...

Điều 7. Trình duyệt kế hoạch SXKD

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 11/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

1. Sau khi kế hoạch được Giám đốc phê duyệt: Phòng KHVT gửi bản mềm về Ban kế hoạch EVN, Văn phòng nhân bản và gửi theo quy định.

Số lượng: 17 bản (*Gửi về EVN 06 bản; Giám đốc 01 bản, Phó Giám đốc 01 bản, lưu văn thư 01 bản và mỗi đơn vị trong Công ty 01 bản*).

2. Căn cứ kế hoạch thẩm tra Báo cáo kế hoạch năm của EVN (Trước ngày 25/11), phòng KHVT và phòng TCKT chủ trì việc giải trình chi tiết, điều chỉnh bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch để EVN xem xét, giao kế hoạch.

Điều 8. Phân bổ chi phí

1. Trong vòng 10 ngày sau khi nhận được quyết định giao kế hoạch năm của EVN, phòng TCKT lập, trình duyệt phân bổ chi phí để triển khai thực hiện.

2. Căn cứ tình hình thực hiện chi phí đến quý III hàng năm, phòng TCKT chủ trì rà soát, trình điều chỉnh phân bổ kế hoạch chi phí trước 30/9.

Điều 9. Điều chỉnh kế hoạch SXKD

1. Kế hoạch SXKD chỉ được điều chỉnh nếu trong năm có các biến động gây ảnh hưởng lớn tới các chỉ tiêu kế hoạch của EVN và các đơn vị (*Tình hình thủy văn, thiên tai, biến động giá nhiên liệu cho phát điện, thay đổi biểu giá bán lẻ điện, biến động lớn về phụ tải trên địa bàn quản lý*) và được HĐTV thông qua.

2. Phòng KHVT phối hợp với phòng TCKT thực hiện lập báo cáo/tờ trình đề nghị điều chỉnh kế hoạch và làm việc với EVN để xin phê duyệt điều chỉnh.

Thời gian lập báo cáo/tờ trình điều chỉnh kế hoạch: Trước ngày 30/9.

CHƯƠNG III. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 10. Căn cứ lập kế hoạch ĐTXD

1. Danh mục các dự án, công trình của Công ty được EVN phê duyệt, giao thực hiện.

2. Tiến độ thực hiện các dự án, công trình thực hiện của năm hiện tại.


3. Những định hướng, mục tiêu về đầu tư xây dựng của EVN.

4. Nhu cầu của Công ty trong việc triển khai các dự án/công trình phục vụ công tác sản xuất.

5. Chiến lược phát triển, quy hoạch của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các căn cứ khác có liên quan.

Điều 11. Nội dung báo cáo kế hoạch ĐTXD

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD năm hiện tại

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 12/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

a. Nhận xét đặc điểm tình hình của đơn vị trong triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch ĐTXD được giao, những điểm đặc biệt so với nhận định, đánh giá đầu năm.

b. Kết quả thực hiện về tiến độ, khối lượng, vốn giải ngân và thu xếp vốn thực hiện theo từng dự án trong kế hoạch (Gồm cả các dự án/công trình phát sinh được bổ sung) tới hết quý III, đánh giá so sánh với kết quả thực hiện cùng kỳ năm trước; phân tích nguyên nhân chủ quan và khách quan của kết quả đạt được và các tồn tại.

c. Dự kiến kết quả thực hiện cả năm, so sánh với kế hoạch năm được giao.

d. Nhận xét, đánh giá chung về thực hiện kế hoạch cả năm của đơn vị, nêu rõ những điểm nổi bật của hoạt động quản lý dự án thông qua những công trình/hạng mục tiêu biểu.

2. Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng năm tiếp theo

2.1. Nhận định và đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn liên quan tới mục tiêu nhiệm vụ của năm tiếp theo. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của đơn vị phù hợp với định hướng chỉ đạo và mục tiêu của EVN về ĐTXD trong năm tiếp theo.

2.2. Nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch cụ thể

a. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ ĐTXD, khối lượng thực hiện, các mốc tiến độ chính của các dự án do đơn vị quản lý.

b. Lập Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B.

c. Dự kiến khả năng thu xếp các nguồn vốn đầu tư, các giải pháp huy động vốn để thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng của đơn vị.

d. Phương án bố trí vốn cho các dự án, công trình.


e. Những giải pháp của đơn vị để triển khai thực hiện được các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch và đảm bảo chất lượng đầu tư xây dựng của đơn vị.

3. Các đề xuất kiến nghị: Cần nêu rõ loại kiến nghị về cơ chế hoặc về giải pháp cụ thể; nêu cụ thể đối tượng cần kiến nghị, gồm: EVN, đơn vị trong EVN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các phụ lục và biểu bảng.

Điều 12. Trình tự, thời gian trình duyệt kế hoạch ĐTXD

1. Phòng KHVT chủ trì lập báo cáo kế hoạch ĐTXD, trình Lãnh đạo Công ty thông qua trước ngày **15/10** và trình EVN trước ngày **31/10** hàng năm.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Trang: 13/17	Ngày sửa đổi:
			Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

2. Sau khi kế hoạch được Giám đốc phê duyệt: Phòng KHVT gửi bản mềm về Ban kế hoạch EVN, Văn phòng nhân bản và gửi theo quy định.

Số lượng: 12 bản (*Gửi về EVN 06 bản; Giám đốc 01 bản, Phó Giám đốc 01 bản; lưu văn thư 01 bản và mỗi phòng KHVT, TCKT, KTAT 01 bản*).

3. Căn cứ kế hoạch thẩm tra Báo cáo kế hoạch năm của đơn vị (Trước ngày 25/11), phòng KHVT chủ trì việc giải trình chi tiết, điều chỉnh bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch để EVN xem xét, giao kế hoạch.

Điều 13. Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTXD

1. Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTXD trong năm được thực hiện trong trường hợp đơn vị được bổ sung công trình vào kế hoạch năm để triển khai ngay sau khi được EVN giao nhiệm vụ hoặc khối lượng thực hiện vượt kế hoạch giao.

2. Phòng KHVT thực hiện lập báo cáo/tờ trình đề nghị điều chỉnh kế hoạch và làm việc với EVN để xin phê duyệt điều chỉnh.

Thời gian lập báo cáo/tờ trình điều chỉnh kế hoạch: Sau khi EVN giao nhiệm vụ đối với trường hợp EVN giao bổ sung công trình vào kế hoạch năm, trước ngày 30/9 đối với trường hợp khối lượng thực hiện vượt kế hoạch giao.

PHẦN II. KẾ HOẠCH NỘI BỘ CỦA CÔNG TY


CHƯƠNG IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM

Điều 14. Căn cứ lập kế hoạch năm

- a. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm hiện tại;
- b. Nội dung công việc thường xuyên phải thực hiện theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty;
- c. Định hướng, mục tiêu nhiệm vụ của Công ty về kế hoạch năm sau;
- d. Chủ trương, chỉ đạo Lãnh đạo Công ty liên quan tới công tác kế hoạch năm của Công ty và các đơn vị;
- e. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty.

Điều 15. Nội dung kế hoạch năm

1. Kế hoạch năm được lập theo file excel, có chia ra các quý, theo các mảng công việc để thực hiện. Đối với mỗi công việc phải thể hiện đầy đủ các nội dung: Tên công việc, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, tiến độ hoàn thành, lưu ý (nếu có).

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Trang: 14/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

2. Đối với những công việc gồm nhiều đầu việc chi tiết, nhiều bước triển khai (Ví dụ: Thực hiện, nghiệm thu SCL; thanh toán lương SCL; phòng chống lũ báo...) phải ghi rõ tiến độ thực hiện của các đầu việc, bước nhỏ trong các sheet chi tiết.

3. Tiến độ của các công việc phải được lập phù hợp với: Nhiệm vụ kế hoạch năm của Công ty được EVN giao; đặc điểm, tình hình sản xuất của nhà máy; thời gian, tiến độ được Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trình tự thực hiện, khối lượng công việc từng quý để đảm bảo tính khả thi.

Điều 16. Trình tự, thời gian lập kế hoạch năm

1. Các đơn vị lập, gửi cho phòng KHVT trước ngày 10/12 hàng năm.
2. Phòng KHVT tổng hợp, gửi lấy ý kiến trước ngày 25/12.
3. Hội thảo, trình phê duyệt trước ngày 10/01 năm kế hoạch.

Điều 17. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm

Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch năm 6 tháng đầu năm, các đơn vị đăng ký điều chỉnh, bổ sung công việc trong kế hoạch năm gửi phòng KHVT trước ngày 05/7.

Phòng KHVT tổng hợp, trình ban hành kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trước ngày 15/7.

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC TUẦN, THÁNG


Điều 18. Nội dung kế hoạch công tác tuần, tháng

1. Kế hoạch công tác tuần, tháng bao gồm hai phần:
 - Công tác trọng tâm trong kế hoạch tuần, tháng của toàn Công ty;
 - Công tác chi tiết của từng đơn vị trong Công ty.
2. Nội dung kế hoạch công tác tuần, tháng phải được lập trên cơ sở kế hoạch công tác tháng, năm được phê duyệt; được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tiến độ công việc thực tế, các công việc mới phát sinh, chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty để đảm bảo đầy đủ, sát và đảm bảo tiến độ công việc theo yêu cầu.

Điều 19. Thời gian lập, ban hành kế hoạch công tác tuần, tháng

1. Kế hoạch công tác tuần:

- Các đơn vị gửi file báo cáo công tác tuần hiện tại, kế hoạch tuần kế tiếp về email của phòng KHVT trước 15 giờ ngày thứ 6.
- Phòng KHVT tổng hợp, gửi báo cáo kế hoạch của tuần hiện tại trong ngày thứ 6; ban hành kế hoạch công tác tuần kế tiếp trong ngày thứ 2 của tuần.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 15/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

2. Kế hoạch công tác tháng:

- Các đơn vị gửi file báo cáo công tác tháng hiện tại, kế hoạch tháng kế tiếp về email của phòng KHVT trước 15 giờ ngày 25 của tháng.
- Phòng KHVT tổng hợp, gửi báo cáo kế hoạch của tháng hiện tại trong ngày 26 của tháng; gửi kế hoạch công tác tháng kế tiếp trong ngày 28 của tháng trước.

(Quy định cụ thể về lập kế hoạch, báo cáo công tác tuần, tháng tại phụ lục 2 kèm theo)

CHƯƠNG VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 20. Thời hạn, nội dung báo cáo

1. Thời hạn báo cáo: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc quý và năm, các đơn vị báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện kế hoạch năm của những nội dung do đơn vị mình chủ trì thực hiện.

2. Nội dung báo cáo:

a. Đối với kế hoạch công tác năm của Công ty: Báo cáo kết quả thực hiện những công việc trong kế hoạch năm do đơn vị chủ trì; nhận xét, đánh giá và đề xuất, kiến nghị.

b. Đối với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch được giao; có đánh giá, nhận xét, so sánh với cùng kỳ năm trước.


Điều 21. Trách nhiệm báo cáo của các đơn vị

1. Phòng TC&NS:

- Công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ;
- Công tác lao động;
- Công tác tiền lương;
- Công tác pháp chế;
- Công tác văn hóa doanh nghiệp.

2. Phòng KHVT:

- a. Thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của EVN.
- b. Tổng hợp chung báo cáo của Công ty hàng quý, năm từ số liệu báo cáo của các đơn vị trong Công ty.
- c. Báo cáo số liệu về các mảng công việc:

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 16/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

- Tối ưu hóa chi phí trong ĐTXD;
- Tình hình thực hiện kế hoạch mua sắm TSCĐ;
- Tình hình ký kết, thực hiện hợp đồng;
- Công tác quản lý, nhập, xuất vật tư.

3. Phòng TCKT:

Báo cáo số liệu về các mảng công việc:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch EVN giao;
- Chi tiết giá trị thực hiện SCL;
- Tối ưu hóa chi phí trong SXKD;
- Tình hình thực hiện chi phí so với phân bổ kế hoạch.

4. Phòng KTAT:

Báo cáo số liệu về các mảng công việc:


- Sản lượng điện sản xuất;
- Sản lượng, tỷ lệ điện tự dùng;
- Tình hình thủy văn;
- Tình hình thực hiện công tác sửa chữa theo lịch;
- Các chỉ tiêu về công tác vận hành: Tổng số giờ vận hành, số lần sự cố, số phiếu/lệnh công tác, số khiếm khuyết phát hiện/đã xử lý/chưa xử lý;
- Các chỉ tiêu về tối ưu hóa: Hệ số khả dụng, suất sự cố;
- Công tác đào tạo nhân viên vận hành, công nhân kỹ thuật;
- Công tác ATVSLĐ – PCCN, thưởng/giảm điểm vận hành an toàn;
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

5. Văn phòng:

- Công tác thi đua khen thưởng;
- Công tác văn thư, lưu trữ;
- Công tác y tế;
- Công tác khai thác, quản lý sử dụng phương tiện vận chuyển, công trình, thiết bị, cơ sở vật chất...

6. Các phân xưởng:

- Kết quả thực hiện những công việc trong kế hoạch năm do đơn vị chủ trì, tham gia; nhận xét, đánh giá;

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-02-03	Lần sửa đổi: Ban hành mới
	QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TRONG CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Trang: 17/17	Ngày sửa đổi: Ngày có hiệu lực: 02/6/2015

- Kết quả chi tiết thực hiện sửa chữa theo lịch được duyệt.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Hiệu lực thi hành:

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho quy trình lập kế hoạch sản xuất ban hành kèm theo quyết định số 517/QĐ-TĐTQ ngày 21/5/2012.
2. Các đơn vị và cá nhân có liên quan trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang có trách nhiệm thi hành quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị gửi ý kiến về phòng KHVT để tổng hợp trình Giám đốc Công ty xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

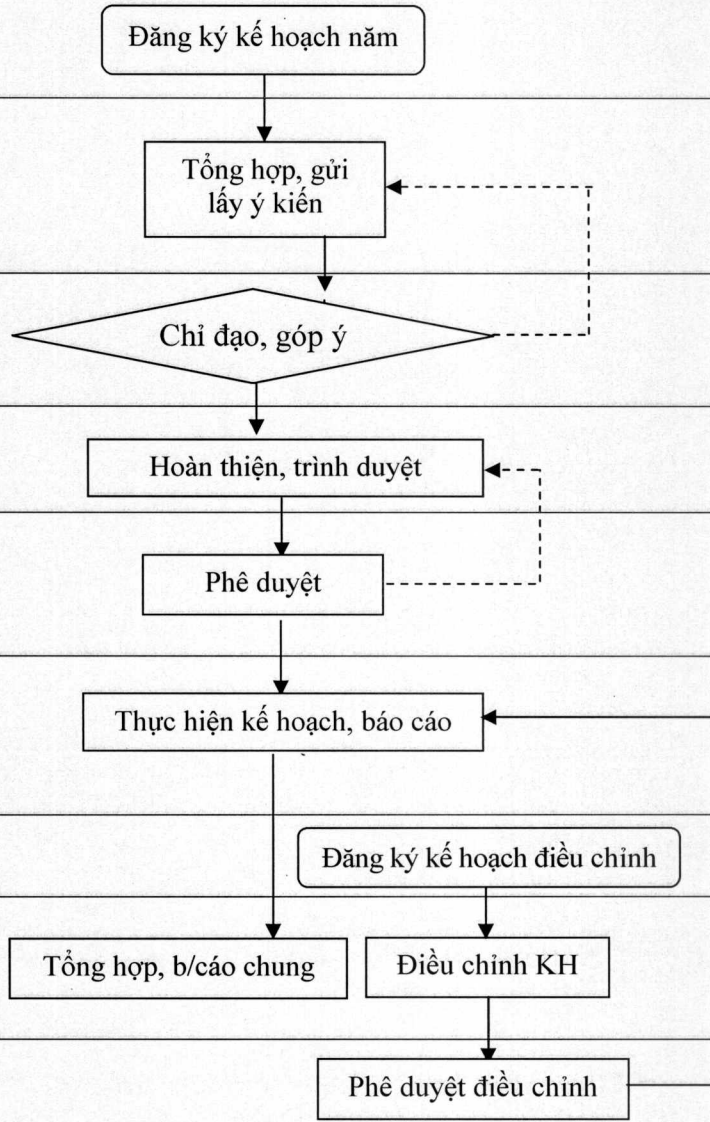
Lưu đồ 1: Lập, thực hiện kế hoạch SXKD

TT	Trách nhiệm	Công việc	Thời gian
1	Các đơn vị	Đăng ký kế hoạch	Trước 20/9
2	Phòng tổng hợp (KTAT, TCKT, TC&NS)	Kiểm tra, tổng hợp	Trước 05/10
3	KHVT	Tổng hợp, lập tờ trình	Trước 15/10
4	Giám đốc	Xem xét	
5	Văn phòng	Nhân bản, trình EVN	31/10
6	EVN	Duyệt, giao KH	
7	Các đơn vị	Thực hiện kế hoạch	
8	KHVT	Điều chỉnh KH	Trước 30/9 năm KH
9	EVN	Phê duyệt điều chỉnh	
10	KHVT	Báo cáo thực hiện kế hoạch	Theo quy định

79-0
HÁN
DIỆN
YAM
UYỆ
JAN
TUY

Lưu đồ 2: Lập, thực hiện kế hoạch năm

TT	Trách nhiệm	Công việc	Thời gian
1	Các đơn vị	Đăng ký kế hoạch năm	Trước 10/12 năm trước
3	KHVT	Tổng hợp, gửi lấy ý kiến	Trước 25/12 năm trước
4	Lãnh đạo, các đơn vị	Chỉ đạo, góp ý	
5	KHVT	Hoàn thiện, trình duyệt	Trước 10/01
6	Giám đốc	Phê duyệt	
7	Các đơn vị	Thực hiện kế hoạch, báo cáo	Trong vòng 10 ngày kết thúc quý, năm
		Đăng ký kế hoạch điều chỉnh	Trước 05/7
8	KHVT	Tổng hợp, b/cáo chung Điều chỉnh KH	Trước 15/7
9	Giám đốc	Phê duyệt điều chỉnh	



PHỤ LỤC 1: HỆ THỐNG BIỂU MẪU

A. HỆ THỐNG BIỂU MẪU KẾ HOẠCH SXKD

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Q1	Q2	Q3	Q4	Năm
Sản lượng điện sản xuất (tr.kWh)																	
- Theo tần suất nước về 50%													0	0	0	0	0
- Theo tần suất nước về 65%													0	0	0	0	0
- Theo tần suất nước về 90%													0	0	0	0	0
- Theo dự báo nước về năm tiếp theo													0	0	0	0	0
Sản lượng điện thương phẩm (tr.kWh)																	
- Theo tần suất nước về 50%													0	0	0	0	0
- Theo tần suất nước về 65%													0	0	0	0	0
- Theo tần suất nước về 90%													0	0	0	0	0
- Theo dự báo nước về năm tiếp theo													0	0	0	0	0

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂM
Tính toán theo dự báo tần suất 50%

Tháng	Qvào (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)		Qxả (m ³ /s)	Qt.thất (m ³ /s)	Pmax (Mw)	Pmin (Mw)	E (Tr.kwh)	Tự dùng(%)		
		Hđ	Hc						Cố định	Thay đổi	Tổng
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
11											
12											
Cả năm:									0		

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂM

Tính toán theo dự báo tần suất 65%

Tháng	Qvào (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)		Qxả (m ³ /s)	Qt.thất (m ³ /s)	Pmax (Mw)	Pmin (Mw)	E (Tr.kwh)	Tự dùng(%)		
		Hđ	Hc						Cố định	Thay đổi	Tổng
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
11											
12											
Cả năm:									0		

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂM

Tính toán theo dự báo tần suất 90%

Tháng	Qvào (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)		Qxả (m ³ /s)	Qt.thất (m ³ /s)	Pmax (Mw)	Pmin (Mw)	E (Tr.kwh)	Tự dùng(%)		
		Hđ	Hc						Cố định	Thay đổi	Tổng
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
11											
12											
Cả năm:									0		

TÌNH HÌNH THUỶ VĂN NĂM HIỆN TẠI VÀ DỰ BÁO NĂM TIẾP THEO

THÁNG	DỰ BÁO ĐẦU NĂM HIỆN TẠI		NƯỚC VỀ THỰC TẾ		DỰ BÁO NĂM TIẾP THEO		GHI CHÚ
	Qvề (m ³ /s)	TẦN SUẤT (%)	Qvề (m ³ /s)	TẦN SUẤT (%)	Qvề (m ³ /s)	TẦN SUẤT (%)	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							

79-0
 AN
 HIEN
 AM
 YD
 ANG
 UY

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Nội dung công việc	Dự toán		Kế hoạch năm tiếp theo
			Quyết định	Giá trị	
A	Công trình chuyển tiếp				
1					
...					
B	Công trình kế hoạch năm tiếp theo				
I	Công trình thiết bị				
1					
2					
3					
4					
5					
...					
II	Công trình thủy công và xây dựng				
1					
2					
3					
...					
III	Phương tiện vận tải				
1					
2					
...					
Tổng cộng:				0	0

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN
Năm

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm tiếp theo
1. Vật liệu	Tr.đ	
2. Tiền lương	Tr.đ	-
- Lương CNV	Tr.đ	
- BHXH, BHYT, TN, KPCĐ	Tr.đ	
3. Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	
4. Các khoản dịch vụ mua ngoài	Tr.đ	-
- Điện mua của Tập đoàn	Tr.đ	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	Tr.đ	
5. Chi phí sửa chữa lớn	Tr.đ	-
6. Chi phí khác bằng tiền	Tr.đ	-
- Thuế tài nguyên	Tr.đ	
- Phí bảo vệ môi trường rừng	Tr.đ	
- Thuế đất	Tr.đ	
- Ăn ca	Tr.đ	
- Chi phí bằng tiền khác	Tr.đ	
* Các chi phí dự kiến phát sinh khác	Tr.đ	
Tổng chi phí	Tr.đ	0

TỔNG HỢP CHI PHÍ GIÁ THÀNH ĐIỆN THEO YẾU TỐ
Năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm trước	Năm hiện tại		KH năm tiếp theo
			Kế hoạch	Ước thực hiện	
1	Nhiên liệu				
2	Vật liệu phụ				
3	Lương và bảo hiểm	-	-	-	-
	- Tiền lương				
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ				
4	Khấu hao cơ bản TSCĐ				
	Khấu hao cơ bản do đánh giá lại tài sản				
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-	-	-
	- Chi phí mua điện Tập đoàn				
	- Chi phí mua điện Tổng Công ty				
	- Chi phí mua điện ngoài				
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác				
6	Chi phí sửa chữa lớn				-
7	Chi phí khác bằng tiền	-	-	-	-
	- Thuế tài nguyên				
	- Phí dịch vụ môi trường rừng				
	- Thuế đất				
	- Lãi vay vốn dài hạn				
	- Tiền ăn ca				
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm				
	- Chi phí bằng tiền khác				
8	Chi phí phát triển khách hàng				
9	Chi phí chênh lệch tỷ giá				
10	Các khoản giảm trừ giá thành điện				
11	Tổng cộng	-	-	-	-
12	Tổng cộng sau khi có khấu hao cơ bản tăng thêm do đánh giá lại tài sản				
13	Sản lượng điện (tr.kWh)				
14	Giá thành đơn vị (đ/kWh)				

KẾ HOẠCH KHẤU HAO

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Chi tiết tính
1	Nguyên giá 31/12/năm n-1	
	Trong đó tiếp nhận lưới điện nông thôn	
2	Nguyên giá đã hết khấu hao lũy kế đến 31/12/năm n-1	
3	Dự kiến nguyên giá đã hết khấu hao năm n	
4	Nguyên giá tăng trong năm	
5	Nguyên giá giảm trong năm	
6	Nguyên giá cuối kỳ năm n	
7	Nguyên giá bình quân tính khấu hao năm n	
8	Khấu hao năm n-1	
	SXKD điện	
	SXKD khác	
	Khấu hao cơ bản do đánh giá lại tài sản	
9	Tỷ lệ bình quân tính khấu hao năm n-1 (%)	
10	Dự kiến tỷ lệ bình quân tính khấu hao năm n	
11	Dự kiến khấu hao năm n	
	SXKD điện	
	SXKD khác	
	Khấu hao cơ bản do đánh giá lại tài sản	

KẾ HOẠCH TRÍCH KHẤU HAO NĂM TIẾP THEO*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Ước giá trị khấu hao TSCĐ năm hiện tại	Kế hoạch khấu hao TSCĐ năm tiếp theo
1	Tài sản A		
2	Tài sản B		
3	...		
4	...		
5	...		
6	...		
7	...		
8	...		
	Tổng cộng:	-	-

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM HIỆN TẠI VÀ ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH NĂM TIẾP THEO

STT	Hạng mục	Năm hiện tại		Đăng ký kế hoạch năm tiếp theo
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Số lượng			
1.1	Số lượt người đào tạo/Tổng số CBCNV			
1.2	Số lượng các chương trình đào tạo phối hợp với các trường của EVN			
2	Trình độ			
	Cơ cấu về trình độ đào tạo đạt được đến cuối năm			
3	Kinh phí			
3.1	Tổng quỹ lương			
3.2	Tổng chi phí đào tạo			
	- Trong đó chi phí đào tạo nước ngoài (tr. đồng):			
3.3	Tỷ lệ tổng chi phí đào tạo/tổng quỹ tiền lương (%)			
3.4	Tỷ lệ chi phí đào tạo/giá thành sản xuất kinh doanh của đơn vị (%)			
3.5	Tỷ lệ chi phí đào tạo tại nước ngoài/tổng chi phí đào tạo năm (%)			

Ghi chú:

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO DÀI HẠN NĂM HIỆN TẠI

Báo cáo kết quả đạt được các Mục tiêu/vấn đề cần giải quyết của năm hiện tại

- ...
- ...
- ...

Số TT	Loại hình đào tạo	Nội dung/Chương trình đào tạo	Đánh giá kết quả	Số lượng	Thời gian	Đối tác/Địa điểm	Chi phí thực hiện (tr. đồng)
I	Dài hạn						
I	Tốt nghiệp			6			
1.1	Tiến sỹ						
1.2	Thạc sỹ	Quản lý doanh nghiệp	Đã về và bố trí công việc	1	03 năm	Trung Quốc	
		Quản trị kinh doanh	Đã về và bố trí công việc	5	02 năm	I-Shou/Đài Loan	
		Thạc sỹ (đào tạo trong nước)	Chưa thực hiện. Có 02 chương trình của ĐH Điện lực và ĐH Tân Trào gửi tới nhưng không có CBCNV nào nộp hồ sơ. Lý do các trường yêu cầu bắt buộc phải học ôn thi tại trường, không phù hợp với nhu cầu của CBCNV.	0			
1.3	Đại học/Cao đẳng						
1.4	Trung cấp chuyên nghiệp						
1.5	Cao đẳng nghề						
1.6	Trung cấp nghề						

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGẮN HẠN NĂM HIỆN TẠI

Số TT	Loại hình đào tạo	Nội dung/Chương trình đào tạo	Đánh giá kết quả	Số lượng	Thời gian	Đối tác/Địa điểm	Chi phí (tr. đồng)	Nguồn kinh phí
II	Ngắn hạn							
2.1	Đào tạo cán bộ quản lý							
2.2	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ							
2.3	Đào tạo chuyên gia							
2.4	Đào tạo thường xuyên							
2.5	Đào tạo chuẩn bị sản xuất							
2.6	Hợp tác đào tạo, đào tạo theo dự án							
2.7	Tập huấn							
2.8	Khác							
	Tổng cộng							

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Mục tiêu/ Vấn đề cần giải quyết (ghi rõ mục tiêu dài hạn, ngắn hạn và các vấn đề cần giải quyết)

- ...

- ...

- ...

Số TT	Loại hình đào tạo	Nội dung / Chương trình đào tạo	Mục tiêu	Đối tượng	Số lượng	Hình thức tổ chức	Thời gian	Thời gian thực hiện	Đối tác/Địa điểm	Chi phí/năm (tr. đồng)	Nguồn kinh phí
I	Dài hạn										
1	Đang đào tạo										
1.1	Tiến sỹ										
1.2	Thạc sỹ										
1.3	Đại học/Cao đẳng										
1.4	Trung cấp chuyên nghiệp										
1.5	Cao đẳng nghề										
1.6	Trung cấp nghề										
2	Đào tạo mới										
2.1	Tiến sỹ										
2.2	Thạc sỹ										
2.3	Đại học/Cao đẳng										
2.4	Trung cấp chuyên nghiệp										
2.5	Cao đẳng nghề										
2.6	Trung cấp nghề										
II	Ngắn hạn										
2.1	Đào tạo cán bộ quản lý										

Số TT	Loại hình đào tạo	Nội dung / Chương trình đào tạo	Mục tiêu	Đối tượng	Số lượng	Hình thức tổ chức	Thời gian	Thời gian thực hiện	Đối tác/Địa điểm	Chi phí/năm (tr. đồng)	Nguồn kinh phí
2.2	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ										
2.3	Đào tạo chuyên gia										
2.4	Đào tạo thường xuyên										
2.5	Đào tạo chuẩn bị sản xuất										
2.6	Hợp tác đào tạo, đào tạo theo dự án										
2.7	Tập huấn										
2.8	Khác										
	Tổng cộng				0,0					0,0	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM HIỆN TẠI VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TIẾP THEO

(Theo loại và trình độ lao động)

Số TT	Chi tiêu	Tình hình sử dụng lao động năm hiện tại (người)							Tổng số lao động kế hoạch (người)
		Tổng số lao động kế hoạch	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 01/01	Tổng số lao động giảm trong năm	Tổng số lao động tăng trong năm	Điều chuyển nội bộ	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 31/12	Lao động thực tế sử dụng bình quân	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Tổng số lao động:	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Trong đó:</i>								
1	Lao động quản lý								
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ								
3	Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh								
4	Lao động thừa hành, phục vụ.								
II	Trình độ lao động:								
1	Đại học trở lên								
2	Cao đẳng								
3	Trung cấp chuyên nghiệp								
4	Sơ cấp								
5	Công nhân kỹ thuật								
6	Chưa qua đào tạo								

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM HIỆN TẠI VÀ
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TIẾP THEO**

(Theo đơn vị quản lý)

ST T	Đơn vị quản lý	Tình hình sử dụng LĐ năm hiện tại						Kế hoạch sử dụng lao động năm tiếp theo (Người bình quân)								Ghi chú			
		Tổng số lao động kế hoạch	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 01/01	Tổng số lao động giảm trong năm	Tổng số lao động tăng trong năm	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 31/12	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Trong đó											
								SXKD điện	SX và SC cơ khí	Tư vấn KS-TK	Xây lắp	Sản xuất khác	Quản lý dự án	Chuẩn bị sản xuất	Đào tạo		Y tế		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Công ty Thủy điện Tuyên Quang																		

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG MỚI LAO ĐỘNG

(ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP)

STT	Chức danh cần tuyển	Số lượng cần tuyển mới	Độ tuổi	Tiên sĩ, Thạc sĩ	TIÊU CHUẨN TUYỂN DỤNG								Ghi chú
					Trình độ chuyên môn (Người)				Ngoại ngữ				
					Đại học		Cao đẳng - Trung học						
					Kỹ thuật	Kinh tế	Kỹ thuật	Kinh tế		CM khác	CM khác		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I	Quản lý kinh tế												
1	Hệ Tài chính Kế toán												
2	Hệ Kế hoạch - Vật tư												
3	Hệ Kinh doanh												
4	Hệ TCCB, LĐTL												
II	Quản lý Kỹ thuật												
1	Vận hành Nhà máy điện												
2	Vận hành đường dây tải điện												
3	Vận hành trạm biến áp												
III	Phục vụ phụ trợ												
1	Điện thoại viên, tạp vụ VSCN												
	Tổng số	0			0								

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG MỚI LAO ĐỘNG
(CÔNG NHÂN KỸ THUẬT)

STT	Chức danh cần tuyển	Số lượng cần tuyển mới	TIÊU CHUẨN TUYỂN DỤNG						Ghi chú		
			Độ tuổi	Trình độ văn hóa	Trình độ trung cấp nghề	Trình độ tay nghề (CNKT)				Sức khỏe	
						Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3			Bậc 4 trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Điện										
1	Quản lý s/c, vận hành đường dây										
2	Công nhân kinh doanh										
3	Công nhân sửa chữa thiết bị điện										
II	Quản lý Kỹ thuật										
1	Vận hành tua-bin										
2	Vận hành trạm biến áp										
III	CN Vận chuyển, xếp dỡ										
1	Lái xe con, xe tải										
2	Công nhân kho										
3	Công nhân sửa chữa cơ khí										
IV	Phục vụ phụ trợ										
	Tổng số	0			0						

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG THAY THẾ LAO ĐỘNG

(ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP)

STT	Chức danh cần tuyển	Năm hiện tại			Tiêu chuẩn tuyển dụng							Ghi chú			
		Nghỉ hưu	Chuyển công tác hoặc thời việc	Chết hoặc giảm khác	Độ tuổi	Trình độ chuyên môn (Người)			Cao đẳng - Trung học				Ngoại ngữ		
						Tiến sĩ, Thạc sĩ	Đại học		Kỹ thuật	Kỹ thuật	Kinh tế			Kinh tế	CM khác
							Kỹ thuật	Kinh tế							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
I	Quản lý kinh tế														
1	Hệ Tài chính Kế toán														
2	Hệ Kế hoạch - Vật tư														
3	Hệ Kinh doanh														
4	Hệ TCCB, LĐTL														
I	Quản lý Kỹ thuật														
1	Vận hành Nhà máy điện														
2	Vận hành đường dây tải điện														
3	Vận hành trạm biến áp														
III	Phục vụ phụ trợ														
1	Điện thoại viên, tạp vụ VSCN														
	Tổng số														

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG THAY THÊ LAO ĐỘNG
(CÔNG NHÂN KỸ THUẬT)

STT	Chức danh cần tuyển	Số liệu của năm trước liên kế			TIÊU CHUẨN TUYỂN DỤNG							Ghi chú	
		Nghỉ hưu	Chuyên c.tác hoặc thôi việc	Chết hoặc giảm khác	Độ tuổi	Trình độ văn hóa	CD nghề, trung cấp nghề	Trình độ tay nghề (CNKT)					Sức khỏe
								Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4 trở lên		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Điện												
1	Quản lý s/c, vận hành đường dây												
2	Công nhân kinh doanh												
3	Công nhân sửa chữa thiết bị điện												
II	Quản lý Kỹ thuật												
1	Vận hành tua-bin												
2	Vận hành trạm biến áp												
III	CN Vận chuyển, xếp dỡ												
1	Lái xe con, xe tải												
2	Công nhân kho												
3	Công nhân sửa chữa cơ khí												
IV	Phục vụ phụ trợ												
	Tổng số												

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm hiện tại		Kế hoạch năm tiếp theo
			Kế hoạch	Ước thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SXKD TÍNH ĐƠN GIÁ				
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh			
2	Sản lượng điện xuất tuyến	Tr. kWh			
3	Tỷ lệ điện tự dùng	%			
4	Tổng doanh thu SXKD điện	Tr. đồng			
5	Tổng chi phí SXKD điện (chưa có lương)	Tr. đồng			
	Trong đó CP để xác định chỉ tiêu tiết kiệm	Tr. đồng			
6	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr. đồng			
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động định mức	Người			
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người			
3	Số cán bộ chuyên trách đoàn thể BQ	Người			
4	Hệ số lương cấp bậc thực tế BQ (H_{cb})				
5	Hệ số phụ cấp BQ tính trong đơn giá (H_{pc})				
6	Lương tối thiểu của đơn vị lựa chọn (TL_{mindv})	Đồng			
7	Mức lương BQ theo hợp đồng lao động	10^3 đ/tháng			
8	Tiền lương bình quân theo đơn giá	10^3 đ/tháng			
9	Phân ch.lệch TL của CB chuyên trách đoàn thể	Tr. đồng			
10	Quỹ tiền lương theo đơn giá tiền lương	Tr. đồng			
	Trong đó:				
	a. Quỹ tiền lương chế độ	Tr. đồng			
	b. Quỹ tiền lương theo hiệu quả SXKD	Tr. đồng			
11	Quỹ lương bổ sung	Tr. đồng			
12	Quỹ tiền lương làm thêm giờ ngoài kế hoạch	Tr. đồng			
13	Quỹ tiền thưởng an toàn điện	Tr. đồng			
14	Tổng quỹ tiền lương (10+11+12+13)	Tr. đồng			

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm hiện tại		Kế hoạch năm tiếp theo
			Kế hoạch	Ước thực hiện	
1	2	3	4	5	6
15	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr. đồng			
16	Tiền lương bình quân	10^3 đ/tháng			
17	Thu nhập bình quân	10^3 đ/tháng			
III	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ				
1	BHXH, BHYT, BHTN	Tr. đồng			
2	KPCĐ	Tr. đồng			

B. HỆ THỐNG BIỂU MẪU KẾ HOẠCH ĐTXD

Biểu số 16

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG ĐÃ GIẢI NGÂN NĂM HIỆN TẠI

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục công trình/các nguồn vốn huy động	Hạn mức vốn được cam kết của dự án đến nay	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12 năm trước	Phân bổ các nguồn vốn theo nhu cầu đầu tư năm hiện tại	Giá trị các nguồn vốn đã giải ngân từ đầu năm đến 30/9 năm hiện tại
A. Dự án				
Phân theo nguồn vốn				
1. Vốn tự có				
- KHCB				
2. Vay trong nước				
- Vay ưu đãi				
- Vay thương mại				
3. Vay nước ngoài				
- Theo hình thức ODA				
- Thương mại				
4. Vốn khác				
B. Dự án				
Phân theo nguồn vốn				
1. Vốn tự có				
- KHCB				
2. Vay trong nước				
- Vay ưu đãi				
- Vay thương mại				
3. Vay nước ngoài				
- Theo hình thức ODA				
- Thương mại				
4. Vốn khác				

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI VAY

TT	Dự án	Lũy kế đến 31/12 năm trước			Ước thực hiện năm hiện tại			Kế hoạch năm tiếp theo		
		Tổng cộng	Trả nợ gốc	Lãi vay	Tổng cộng	Trả nợ gốc	Lãi vay	Tổng cộng	Trả nợ gốc	Lãi vay
	Tổng cộng									
1	Dự án									
2	...									
...	...									

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG CHO NĂM TIẾP THEO

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục công trình/các nguồn vốn huy động	Hạn mức vốn được cam kết của dự án đến nay	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12 năm hiện tại	Kế hoạch phân bổ các nguồn vốn theo nhu cầu đầu tư năm tiếp theo	Giá trị các nguồn vốn vay còn lại
TỔNG CỘNG:	0	0	0	0
Phân theo nguồn vốn				
1. Vốn tự có	0	0	0	0
- KHCB				
2. Vốn ngân sách				
3. Vay trong nước				
- Vay ưu đãi				
- Vay thương mại				
4. Vay nước ngoài				
- Theo hình thức ODA				
- Thương mại				
5. Vốn khác				
A. Dự án				
Phân theo nguồn vốn				
1. Vốn tự có				
- KHCB				
2. Vốn ngân sách				
3. Vay trong nước				
- Vay ưu đãi				
- Vay thương mại				
4. Vay nước ngoài				
- Theo hình thức ODA				
- Thương mại				
5. Vốn khác				
B. Dự án				

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÂN BỐ CÁC NĂM CÒN LẠI

Đơn vị: Triệu đồng

Công trình	TMĐT duyệt	Giá trị đã giải ngân đến 31/12 năm trước	Tổng giá trị vốn đầu tư còn lại	Ước thực hiện vốn năm hiện tại	Kế hoạch năm tiếp theo thứ nhất (2015)
1. Dự án/Các nguồn vốn huy động					
- Vốn tự có					
+ Vốn KHCB					
- Vốn vay trong nước					
+ Vay thương mại					
+ Vay ưu đãi					
- Vốn vay nước ngoài					
+ Vay ODA					
+ Vay thương mại					
- Vốn khác					
2. Dự án					

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM HIỆN TẠI
Đơn vị: CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYẾN QUANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tiến độ khởi công, hoàn thành	Giá trị dự toán hoặc giá trị hợp đồng được phê duyệt	Số quyết định phê duyệt, ngày, tháng, năm	Cơ quan duyệt	Kế hoạch đã giao năm 2014	Vốn thanh toán từ đầu năm kế hoạch đến 30/9 năm	Ước giá lượng thực hiện năm kế hoạch	Ước giải ngân năm hiện tại										Chia ra			
											Vay nước ngoài	Tổng	TD ưu đãi		TD thường mại				Tổng đầu tư năm	Xây lắp	Thiết bị	Chi phí khác		
													Nhu cầu ứng	Khả năng đáp ứng	Nhu cầu ứng	Khả năng đáp ứng	Nhu cầu bổ sung	Khả năng đáp ứng					Nhu cầu bổ sung	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
	Tổng số								0		0	0						0		0	0	0	0	0
I	Trả nợ gốc và lãi vay																							
II	Góp vốn các dự án điện																							
III	Đầu tư thuần																							
A	Công trình chuyển tiếp																							
1																								
2																								
B	Công trình khởi công mới																							
1																								

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHI TIẾT - NĂM TIẾP THEO

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tiến độ khởi công, hoàn thành	Giá trị dự toán hoặc giá trị hợp đồng được phê duyệt			Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết 31/12 năm trước	Kế hoạch đã giao năm hiện tại	Vốn ước thanh toán của năm thực hiện kế hoạch	Kế hoạch ĐTXD năm tiếp theo										Chia ra				
					Giá trị dự toán hoặc giá trị hợp đồng duyệt	Số quyết định phê duyệt, ngày, tháng, năm	Cơ quan duyệt				Vay nước ngoài	Tổng	TD ưu đãi		TD thường mại				Vốn khác	Tổng đầu tư	Xây lắp	Thiết bị	Chi phí khác		
													Nhu cầu	Khả năng đáp ứng	Nhu cầu	Khả năng đáp ứng	Nhu cầu	Khả năng đáp ứng						Nhu cầu	Khả năng đáp ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
	Tổng số																								
I	Trả nợ gốc và lãi vay																								
II	Góp vốn các dự án điện																								
III	Đầu tư thuần																								
A	Công trình chuyển tiếp																								
1																									
2																									
B	Công trình khác																								
1																									

TỔNG HỢP CÂN ĐỐI CÁC NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhu cầu đầu tư vốn				Khả năng đáp ứng kế hoạch				Cần bổ sung									
		Nước ngoài	Vay ưu đãi trong nước	Vay thương mại trong nước	Vốn tự có (KHCB, vốn...)	Vay Nước ngoài		Vay Ưu đãi trong nước		Vay Thương mại trong nước		Nước ngoài	Vay ưu đãi	Vay thương mại	Vốn tự có (KHCB, vốn...)				
						Tổng	Đã ký	Đã cam kết	Tổng	Đã ký	Đã cam kết					Tổng	Đã ký	Đã cam kết	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	15	16	17	18=3-7	19=4-10	20=5-13	21=6-17
	Tổng số																		
I	Trả nợ gốc và lãi vay																		
1	Không có																		
II	Góp vốn các dự án Điện																		
1	Không có																		
III	Đầu tư thuần																		
1	Dự án																		
2																			
3																			
4																			

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM A, B HOÀN THÀNH NĂM TIẾP THEO

ĐVT: Tr.đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô công suất	Chủ đầu tư (thuộc doanh nghiệp)	Tỷ lệ tham gia của Doanh nghiệp/ đơn vị thành viên	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)				Lũy kế vốn ước thanh toán từ khởi công đến hết năm thực hiện kế hoạch				Kế hoạch vốn đầu tư năm tiếp theo			Ghi chú
						Thời gian khởi công – hoàn thành	Quyết định phê duyệt	Đơn vị tính	Tổng mức đầu		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
									Phân vốn doanh nghiệp	Vốn NSNN + Vốn CSH		Vốn vay thương mại + vốn khác	Vốn NSNN + Vốn CSH		Vốn vay thương mại + vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	Nhóm A																
1	Dự án..																
2	...																
A	Nhóm B																
1	Dự án..																
2	...																

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM A, B CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM HIỆN TẠI SANG NĂM TIẾP THEO

ĐVT: Tr.đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô công suất	Chủ đầu tư (thuộc doanh nghiệp)	Tỷ lệ tham gia của Doanh nghiệp/ đơn vị thành viên	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)				Lũy kế vốn ước thanh toán từ khởi công đến hết năm thực			Kế hoạch vốn đầu tư năm tiếp theo			Ghi chú	
						Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
									Phản vốn doanh nghiệp	Vốn NSNN + Vốn CSH		Vốn vay thương mại + vốn khác	Vốn NSNN + Vốn CSH		Vốn vay thương mại + vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	Nhóm A																
1	Dự án..																
2	...																
A	Nhóm B																
1	Dự án..																
2	...																

007
NH
ND
NA
HU
UA
TU

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NHÓM A, B NĂM TIẾP THEO

ĐVT: Tr.đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô công suất	Chủ đầu tư (thuộc doanh nghiệp)	Tỷ lệ tham gia của Doanh nghiệp/ đơn vị thành viên	Quyết định chủ trương đầu tư dự án				Kế hoạch vốn đầu tư năm tiếp theo				Ghi chú
						Dự kiến thời gian khởi công – hoàn thành	Quyết định phê duyệt	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư dự		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Vốn vay thương mại + vốn khác	
									Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Phần vốn doanh nghiệp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16
A	Nhóm A													
1	Dự án..													
2	...													
A	Nhóm B													
1	Dự án..													
2	...													

PHIẾU YÊU CẦU BAN HÀNH TÀI LIỆU NỘI BỘ

1. Yêu cầu

Ban hành

Sửa đổi

Tên tài liệu: Quy định về công tác kế hoạch trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang

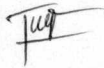
Mã số tài liệu: QyĐ-02-03

Tóm tắt nội dung cần ban hành hoặc sửa đổi:

- Ban hành mới quy định về công tác kế hoạch trong Công ty để thống nhất về nội dung, trình tự, trách nhiệm, biểu mẫu trong công tác lập, thực hiện, điều chỉnh kế hoạch của Công ty; phù hợp với quy định trong quy chế về công tác kế hoạch của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành năm 2014; là căn cứ giúp cho Ban Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác sản xuất của Công ty.

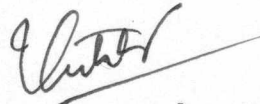
Ngày yêu cầu: 02/4/2015

Người yêu cầu:



Vũ Minh Tuyên

2. Ý kiến của Trưởng đơn vị yêu cầu (ký và ghi tên):



3. Ý kiến của Trưởng đơn vị được yêu cầu (đơn vị chủ trì soạn thảo)



4. Ý kiến của Lãnh đạo Công ty:



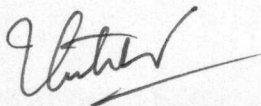
5. Phân công của Trưởng đơn vị:

Người được chỉ định viết hoặc sửa: Vũ Minh Tuyên

Ngày cần hoàn thành: 02/6/2015

Người chịu trách nhiệm xem xét: Vũ Văn Tinh

T.PHÒNG KHVT:



Vũ Văn Tinh

